

Số: 0417.VKH(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Vi khí hậu, tiếng ồn
Mô tả mẫu : Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025 Lần ban hành : 01
Mã số mẫu : 25.0417.KK3- KK4
Thông tin lấy mẫu : Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)
Khu vực nhà bếp

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc	Phạm vi đo
1	Tiếng ồn ^{(a)(*)}	TCVN 7878-2:2018	35 ÷ 130 dBA
2	Nhiệt độ ^{(a)(*)}	QCVN 46:2022/BTNMT	0 ÷ 60 °C
3	Độ ẩm ^{(a)(*)}	QCVN 46:2022/BTNMT	15 ÷ 95 %RH
4	Tốc độ gió ^{(a)(*)}	QCVN 46:2022/BTNMT	0,1 ÷ 40 m/s

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

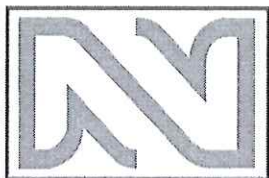
Vị trí quan trắc	Tiếng ồn	Nhiệt độ	Độ ẩm	Tốc độ gió
Đơn vị	dBA	°C	%	m/s
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân) (25.0417.KK3)	58,5	28,8	63,8	0,28
2. Khu vực nhà bếp (25.0417.KK4)	60,1	28,9	64,5	0,29
QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	-
QCVN 26:2016/BYT	-	18 ÷ 32	40 ÷ 80	0,2 ÷ 1,5

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0417.VKH(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn

GIÁM ĐỐC



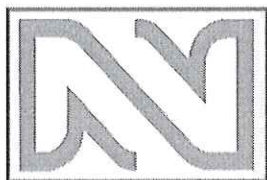
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.KK(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Mô tả mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn và bảo quản ở nhiệt độ thường
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.KK3 - KK4
Thông tin lấy mẫu : Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)
Khu vực nhà bếp
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy mẫu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện
1	SO ₂ ^(a)	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	0,010 mg/Nm ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Vị trí lấy mẫu	SO ₂
Đơn vị	mg/Nm ³
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân) (25.0417.KK3)	0,030
2. Khu vực nhà bếp (25.0417.KK4)	0,028
QCVN 03:2019/BYT^(**)	3,91

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận.

^(**): Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần).

KPH: Không phát hiện.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



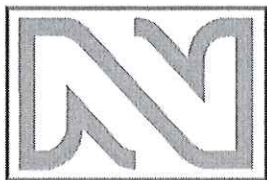
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.KK(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Chất lượng không khí
Mô tả mẫu : Mẫu còn nguyên vẹn và bảo quản ở nhiệt độ thường
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.KK3 - KK4
Thông tin lấy mẫu : Khu vực làm việc (sảnh lễ tân)
Khu vực nhà bếp
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP PHÂN TÍCH

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp lấy mẫu	Phương pháp phân tích	Giới hạn phát hiện
1	SO ₂ ^(a)	TCVN 5971:1995	TCVN 5971:1995	0,010 mg/Nm ³

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Vị trí lấy mẫu	SO ₂
Đơn vị	mg/Nm ³
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân) (25.0417.KK3)	0,030
2. Khu vực nhà bếp (25.0417.KK4)	0,028
QCVN 03:2019/BYT^(**)	3,91

Ghi chú:

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận.

^(**): Giá trị giới hạn tiếp xúc ca làm việc tính theo thời lượng tiếp xúc thực tế của công ty (48 giờ/tuần).

KPH: Không phát hiện.

PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



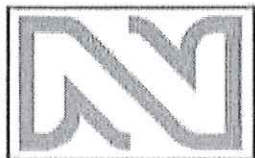
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.AS(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Ánh sáng
Mô tả mẫu : Mẫu đo trực tiếp tại hiện trường
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP QUAN TRẮC

STT	Chỉ tiêu	Phương pháp quan trắc
1	Ánh sáng ^(*)	TCVN 5176:1990

KẾT QUẢ QUAN TRẮC

Điểm đo	Ánh sáng
Đơn vị	Lux
1. Khu vực làm việc (sảnh lễ tân) (25.0417.KK3)	1.082
2. Khu vực nhà bếp (25.0417.KK4)	826
QCVN 22:2016/BYT	≥ 300

Ghi chú:

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

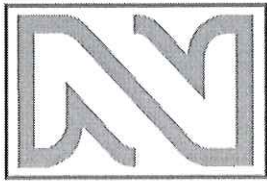
PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM

Nguyễn Trần Minh Toàn



Nguyễn Thị Thương

- 1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- 2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.
- 3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.
- 4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.NT(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : **CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU**
Địa chỉ lấy mẫu : **TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH**
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT12 - NT13
Thông tin lấy mẫu : Tại đầu vào hệ thống xử lý nước thải sinh hoạt
Tại cửa xả nước thải
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

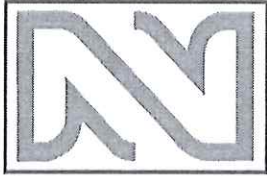
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
			NT12	NT13		
1.	pH ^{(a)(*)}	-	6,12 (28,7°C)	6,43 (28,6°C)	5 ÷ 9	SMEWW 4500- H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	28,0	78,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	12,8	11,6	60	TCVN 6001-1:2021
4.	COD ^(a)	mg/L	24,2	21,2	-	SMEWW 5220C:2023
5.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
6.	Tổng các CHĐBM ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
7.	Phosphat (tính theo P) ^{(a)(b)}	mg/L	0,433	0,471	12	SMEWW 4500- P.E:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả		QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
			NT12	NT13		
8.	Amoni (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	4,11	3,52	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
9.	Nitrat (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	0,382	0,623	60	SMEWW 4500-NO ₃ ⁻ .E:2023
10.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,04)	KPH (LOD=0,04)	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/100mL	4.000	4.600	5.000	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

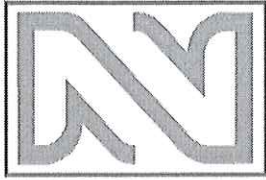
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NT(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ lấy mẫu : TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước thải
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NT14
Thông tin lấy mẫu : Tại điểm cuối cùng của hệ thống xử lý nước thải trước khi thải vào nguồn tiếp nhận (Tọa độ: 561050 - 1021549)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025 Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU

STT	Loại mẫu	Phương pháp lấy mẫu
1	Mẫu nước thải	TCVN 6663-3:2016; TCVN 5999:1995; TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-14:2018
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

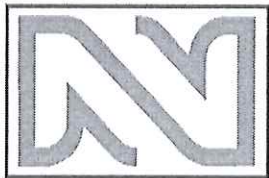
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
1.	pH ^(a) (29,1°C)	-	6,71	5 ÷ 9	SMEWW 4500-H ⁺ .B:2023 ^(*)
2.	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	15,0	120	TCVN 6625:2000
3.	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	10,8	60	TCVN 6001-1:2021
4.	COD ^(a)	mg/L	22,2	-	SMEWW 5220C:2023
5.	Dầu mỡ động thực vật ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,44)	24	SMEWW 5520B&F:2023
6.	Tổng các CHĐBM ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	12	SMEWW 5540B&C:2023
7.	Photphat (tính theo P) ^{(a)(b)}	mg/L	0,464	12	SMEWW 4500-P.E:2023
8.	Amoni (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	3,81	12	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0417.NT(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 14:2008/BTNMT Cột B, K=1,2	Phương pháp thực hiện
9.	Nitrat (tính theo N) ^{(a)(b)}	mg/L	0,564	60	SMEWW 4500-NO ₃ -.E:2023
10.	Sulfua ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,04)	4,8	SMEWW 4500-S ²⁻ .B&D:2023
11.	Coliform ^{(a)(b)}	MPN/ 100mL	4.100	5.000	SMEWW 9221B:2023
12.	Lưu lượng ^{(a)(b)}	m ³ /h	1,134	-	ISO 4064-5:2014

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



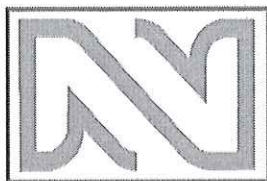
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.NM(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước mặt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NM1
Thông tin lấy mẫu : Cách vị trí xả thải khoảng 50m
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025
Lần ban hành : 01

PHƯƠNG PHÁP SỬ DỤNG

STT	Loại mẫu	Phương pháp sử dụng
1	Mẫu nước mặt	TCVN 6663-1:2011; TCVN 6663-6:2018; TCVN 5994-1995; TCVN 6663-3:2016
2	Mẫu vi sinh	TCVN 8880:2011

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

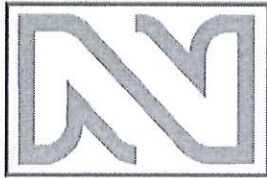
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2)				Phương pháp phân tích
				Mức A	Mức B	Mức C	Mức D	
1	pH ^(a) (29,0°C)	-	7,04	6,5 ÷ 8,5	6,0 ÷ 8,5	6,0 ÷ 8,5	< 6,0 hoặc > 8,5	TCVN 6492:2011 ^(*)
2	TSS ^{(a)(b)}	mg/L	16,0	≤ 25	≤ 100	> 100 và không có rác nổi	> 100 và có rác nổi	TCVN 6625:2000
3	BOD ₅ ^{(a)(b)}	mg/L	21,4	≤ 4	≤ 6	≤ 10	> 10	TCVN 6001-1:2021
4	COD ^(a)	mg/L	41,4	≤ 10	≤ 15	≤ 20	> 20	SMEWW 5220C:2023

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



VIMCERTS 314

Số: 0417.NM(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT (Bảng 2)				Phương pháp phân tích
				Mức A	Mức B	Mức C	Mức D	
5	Tổng dầu mỡ ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=1,26)	5,0 ^(d)	5,0 ^(d)	5,0 ^(d)	5,0 ^(d)	SMEWW 5520B:2023
6	Chất hoạt động bề mặt (CHDBM) ^{(a)(b)}	mg/L	KPH (LOD=0,0136)	-	-	-	-	SMEWW 5540B&C:2023
7	Amoni (NH ₄ ⁺ - N) ^{(a)(b)}	mg/L	0,116	0,3 ^(d)	0,3 ^(d)	0,3 ^(d)	0,3 ^(d)	SMEWW 4500-NH ₃ .B&F:2023
8	Nitrat (NO ₃ ⁻ - N) ^{(a)(b)}	mg/L	0,613	-	-	-	-	TCVN 6180:1996
9	Photphat (PO ₄ ³⁻ - P) ^{(a)(b)}	mg/L	0,081	-	-	-	-	SMEWW 4500-P.E:2023
10	Sunfua (SO ₄ ²⁻) ^{(a)(b)}	mg/L	32,4	-	-	-	-	SMEWW 4500-SO ₄ ²⁻ .E:2023
11	Coliform ^{(a)(b)}	MNP /100mL	170	-	-	-	-	SMEWW 9221B:2023

Ghi chú:

Mẫu được lưu trong vòng 07 ngày kể từ ngày trả kết quả.

^(a): Các chỉ tiêu đã được Bộ Tài Nguyên và Môi Trường chứng nhận.

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(c): Các chỉ tiêu đo hiện trường.

KPH: Không phát hiện.

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



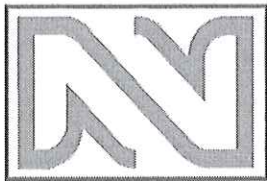
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.NS(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NS5
Thông tin lấy mẫu : Máy lọc nước tại VP (1 mẫu nhà ăn)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

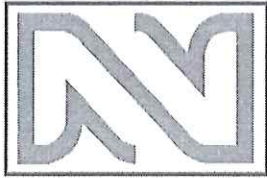
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) /Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(b) (25,1 ^o C)	-	7,76	2 ÷ 12	6,0 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 ÷ 1.100	2	SMEWW 2130B:2023
3.	Màu sắc ^(b)	Pt-Co	0	0 ÷ 500	15	TCVN 6185:2015
4.	Mùi	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	HD-TN-N47 (Ref.SMEWW 2150:2023)
5.	Amoni (tính theo N) ^(b)	mg/L	KPH	0,1	1	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
6.	Clo dư ^(b)	mg/L	0,33	0,5	0,2 ÷ 1,0	SMEWW 4500-Cl. B:2023
7.	KMnO ₄ ^(b)	mg/L	< 1,0	1,0	2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)
8.	As ^(b)	µg/L	KPH	6,0	10	SMEWW 3114C:2023
9.	Coliform ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019
10.	E.coli ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019
11.	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NS(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) /Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
12.	Tụ cầu vàng (<i>Staphylococcus aureus</i>) ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	SMEWW 9213B:2023

Ghi chú:

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

⁽ⁱ⁾: Các chỉ tiêu đo hiện trường

^(j): Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



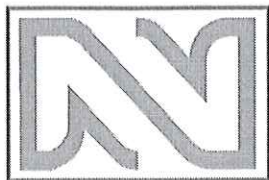
Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



Số: 0417.NS(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Tên khách hàng : CN TỔNG CÔNG TY KHÍ VN – CÔNG TY KHÍ CÀ MAU
Địa chỉ : TOÀ NHÀ VĂN PHÒNG ĐIỀU HÀNH
KCN Khánh An, Xã Khánh An, Tỉnh Cà Mau
Loại mẫu : Nước sinh hoạt
Mô tả mẫu : Mẫu chứa trong chai được đậy kín còn nguyên vẹn, bảo quản lạnh
Ngày lấy mẫu : 11/12/2025
Mã số mẫu : 25.0417.NS6
Thông tin lấy mẫu : Máy lọc nước tại VP (1 mẫu tại bồn chứa)
Ngày phân tích mẫu : 12/12/2025
Lần ban hành : 01

KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

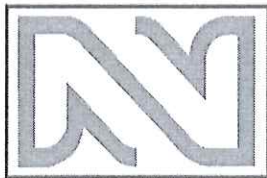
STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) /Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
1.	pH ^(b) (25,1 ^o C)	-	7,89	2 ÷ 12	6,0 ÷ 8,5	TCVN 6492:2011
2.	Độ đục ^(b)	NTU	0	0 ÷ 1.100	2	SMEWW 2130B:2023
3.	Màu sắc ^(b)	Pt-Co	0	0 ÷ 500	15	TCVN 6185:2015
4.	Mùi	-	Không có mùi lạ	-	Không có mùi lạ	HD-TN-N47 (Ref.SMEWW 2150:2023)
5.	Amoni ^(b)	mg/L	KPH	0,1	1	SMEWW 4500-NH ₃ -B&F:2023
6.	Clo dư ^(b)	mg/L	0,29	0,5	0,2 ÷ 1,0	SMEWW 4500-Cl. B:2023
7.	KMnO ₄ ^(b)	mg/L	< 1,0	1,0	2	TCVN 6186:1996 (ISO 8467:1993)
8.	As ^(b)	µg/L	KPH	6,0	10	SMEWW 3114C:2023
9.	Coliform ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019
10.	E.coli ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 6187-1:2019
11.	Trực khuẩn mủ xanh (Pseudomonas aeruginosa) ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	TCVN 8881:2011 (ISO 16266:2006)

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017



CÔNG TY CỔ PHẦN
AN TOÀN – SỨC KHỎE – MÔI TRƯỜNG NAM VIỆT
Trụ sở: 128 Nguyễn Thị Xinh, P. Thới An, TP.HCM, Việt Nam
Liên hệ: 0982.097.050 Email: contact@moitruongnamviet.vn
MST: 0316.727.024 Web: moitruongnamviet.vn, navicert.vn



Số: 0417.NS(4)-2025/KQTN

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 12 năm 2025

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kết quả	Giới hạn định lượng (LOQ) /Phạm vi đo	QCVN 01-1: 2024/BYT	Phương pháp phân tích
12.	Tụ cầu vàng (Staphylococcus aureus) ^(b)	CFU /100mL	< 1 ⁽ⁱ⁾	1	<1	SMEWW 9213B:2023

Ghi chú:

^(b): Các chỉ tiêu đạt công nhận ISO/IEC 17025:2017 (VALAS 113)

^(*): Các chỉ tiêu đo hiện trường

⁽ⁱ⁾: Kết quả được biểu thị < 1 CFU được xem là không phát hiện vi sinh vật mục tiêu trên thể tích mẫu phân tích.

KPH: Không phát hiện

**PHỤ TRÁCH
PHÒNG THỬ NGHIỆM**

Nguyễn Trần Minh Toàn



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thị Sương

1/ Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu thử.

2/ Không được sao chép một phần hay toàn bộ phiếu kết quả này nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Công ty Cổ phần An toàn - Sức khỏe - Môi trường Nam Việt.

3/ Thông tin về mẫu và khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu.

4/ Phòng thí nghiệm được đánh giá và phù hợp với các yêu cầu của tiêu chuẩn ISO/IEC 17025:2017